

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,
bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị năm 2026

Năm 2025, là năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; năm diễn ra nhiều hoạt động, sự kiện chính trị quan trọng, kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đảng, của dân tộc; năm tổ chức đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, khó khăn đan xen tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh, khó lường tác động tiêu cực đến các lĩnh vực của nền kinh tế và đời sống xã hội; thời tiết cực đoan, mưa lũ, sạt lở gây thiệt hại lớn về người, tài sản, hạ tầng, sản xuất, đời sống của Nhân dân. Song với sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Trung ương, của Tỉnh ủy, sự điều hành hiệu quả của HĐND, UBND tỉnh; sự ủng hộ của các ban, bộ, ngành, các tổ chức, cá nhân; sự vào cuộc của hệ thống chính trị và đồng thuận của Nhân dân, kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục ổn định và đạt kết quả tích cực, quan trọng: Kinh tế tiếp tục đà phát triển và tăng trưởng; văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; giáo dục, y tế, an sinh và giảm nghèo được triển khai đồng bộ; quốc phòng, an ninh được giữ vững; đối ngoại và hợp tác quốc tế tăng cường, mở rộng, đi vào thực chất, hiệu quả; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đạt được nhiều kết quả quan trọng; thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo đúng quy định; tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Tuy nhiên, còn một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt thấp; giải ngân vốn đầu tư công và thu ngân sách còn chậm so với yêu cầu; công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số ở một số lĩnh vực còn chậm; vận hành chính quyền địa phương hai cấp có lúc, có việc chưa đồng đều tại một số địa phương; một bộ phận cán bộ, công chức chưa thực sự năng động, sáng tạo, còn tâm lý trông chờ, ỷ lại; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị có mặt còn hạn chế. Tiến độ giải phóng mặt bằng, thi công một số dự án trọng điểm và các dự án đấu giá, đấu thầu quyền sử dụng đất chậm so với kế hoạch; tiến độ triển khai một số dự án thu hút đầu tư chưa có chuyển biến mạnh;

năng lực tổ chức thực hiện, nhất là giải phóng mặt bằng, phối hợp tháo gỡ thủ tục pháp lý, còn hạn chế...

Năm 2026, là năm đầu tiên triển khai nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 và là năm diễn ra Đại hội XIV của Đảng và cuộc bầu cử Quốc hội khóa XVI và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; đất nước đang bước vào kỷ nguyên phát triển, thịnh vượng, hùng cường, dự báo tình hình thế giới, khu vực và trong nước tiếp tục có những thời cơ, thuận lợi, thách thức đan xen. Từ tình hình trên, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thống nhất tập trung cao độ, quán triệt và triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ tỉnh, các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy; đồng thời, ban hành Nghị quyết về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị năm 2026 với những nội dung sau:

I- MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng; tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền hai cấp; điều chỉnh và triển khai bài bản Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quyết liệt cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước nhằm thu hút nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình trọng điểm, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới; tạo chuyển biến rõ nét về các mặt văn hoá - xã hội, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống và chỉ số hạnh phúc cho người dân. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Bảo đảm các điều kiện góp phần tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; chuẩn bị và tổ chức thành công bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Quyết tâm, khát vọng hoàn thành tất cả và vượt các mục tiêu, chỉ tiêu năm 2026.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2026

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt 10,5%. GRDP bình quân đầu người đạt 60 triệu đồng/người/năm. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng xác định: Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 13,8%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 23,42%; ngành dịch vụ chiếm khoảng 58,77%. Tỷ trọng kinh tế số đạt 17% GRDP tỉnh.

(2) Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 2.310 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 25.000 tỷ đồng. Tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt tối thiểu 3% tổng chi ngân sách Nhà nước;

thực hiện 05 mô hình chuyển đổi số hoặc cải cách hành chính báo cáo trung ương.

(3) Phát triển tổng diện tích trồng cây Mắc ca đạt khoảng 14.860 ha (trồng mới 2.500 ha); cây Cà phê đạt khoảng 13.133 ha (trồng mới 5.000 ha).

(4) Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 18,52%; tốc độ tăng trưởng tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ và hoạt động thương mại biên giới đạt trên 12%. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ và trao đổi cư dân biên giới đạt 105 triệu USD.

(5) Toàn tỉnh đón trên 1,6 triệu lượt khách du lịch, trong đó có 15 nghìn lượt khách quốc tế; tổng doanh thu từ hoạt động du lịch đạt trên 2.880 tỷ đồng.

(6) Dân số trung bình đạt trên 677.628 người, tốc độ tăng dân số 1,53%; tuổi thọ trung bình đạt 70,5 tuổi; chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,66.

(7) Đào tạo nghề cho 8.500 lao động trở lên, tạo việc làm từ 8.800 - 9.000 lao động, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo so với lực lượng lao động trên 66%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt trên 18,9%; tỷ trọng lao động Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 70,1%; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 2,5%. Thành lập mới 250 doanh nghiệp, 90 hợp tác xã.

(8) Tỷ lệ hộ nghèo giảm 3%; thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 2,86 triệu đồng/tháng. Phần đầu có 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới; có 70 sản phẩm mới trở lên được công nhận sản phẩm OCOP.

(9) 66,67% xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế; có 13,2 bác sĩ/vạn dân; 33,2 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) còn dưới 14,38%, suy dinh dưỡng (chiều cao/tuổi) còn dưới 23,76%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ các loại vaccine trong Chương trình tiêm chủng mở rộng đạt 95%; tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 65%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98%.

(10) Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt trên 83,5% (tăng 0,35%); tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt kiểm định chất lượng giáo dục trên 83,8%; tỷ lệ phòng học được kiên cố hoá đạt 82,32% (tăng 4,32%); tỷ lệ phòng nội trú/bán trú được kiên cố hoá đạt 69,71% (tăng 13,71%).

(11) Có 77% gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” (tăng 1,19%); 67% thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu “Thôn, bản, tổ dân phố văn hóa” (tăng 1,7%); 95% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; 100% xã, phường có nhà văn hóa; 65,28% thôn, bản, tổ dân phố có nhà văn hóa, nơi sinh hoạt cộng đồng (tăng 3,04%); số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên chiếm 36,2% trên tổng số dân toàn tỉnh (tăng 1,2%).

(12) Tập trung hoàn thiện các thủ tục để đầu tư, nâng cấp hệ thống đường tỉnh

được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; 99% khu vực có dân cư sinh sống, làm việc được phủ sóng thông tin di động mạng 4G/5G; 90% khu vực có dân cư sinh sống, làm việc được cung cấp dịch vụ băng rộng cố định (Internet cáp quang); tỷ lệ xã có chợ đạt chuẩn trên 66,67% (tăng 6,67%). Tỷ lệ hộ được sử dụng điện đạt trên 97%.

(13) Tỷ lệ người dân đô thị được sử dụng nước sạch bảo đảm theo tiêu chuẩn đạt 99,9%; tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 94,28%, trong đó, phần đầu 20% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn (tăng 4,81%); tỷ lệ che phủ rừng đạt 46%; tỷ lệ thu gom rác thải đô thị đạt từ 96,5%; tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom đạt từ 46 - 50%. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%.

(14) Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia. Hoàn thành 12 cuộc diễn tập cấp xã, phường và diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2026. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân năm. Duy trì nghiêm túc sẵn sàng chiến đấu và phòng, chống thiên tai. Nắm chắc tình hình địa bàn không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

(15) Không để xảy ra bạo loạn, khủng bố, vụ việc phức tạp về an ninh trật tự; 100% vụ việc phát sinh được xử lý, giải quyết kịp thời, không để xảy ra điểm nóng, lộ lọt thông tin; không để tụ tập đông người trái pháp luật. Kiểm chế, kéo giảm ít nhất 5% số vụ phạm tội về trật tự xã hội; tiếp nhận, thụ lý 100% và giải quyết trên 90% tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố; tỷ lệ điều tra, khám phá án đạt trên 75%, án rất nghiêm trọng trở lên đạt trên 90% tổng số án khởi tố; phần đầu giảm ít nhất 5% tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí.

(16) Tăng cường kết nối, ký kết thỏa thuận, thiết lập quan hệ, thúc đẩy hợp tác với 1-2 địa phương của các nước.

(17) 100% cấp ủy, tổ chức đảng, 96% cán bộ, đảng viên, 80% quần chúng Nhân dân tham gia nghiên cứu, học tập có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng; trên 95% cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương; phát động, tổ chức 01 phong trào thi đua học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong Đảng bộ.

(18) Có trên 90% tổ chức đảng, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; kết nạp 4% đảng viên mới trên tổng số đảng viên; 75% trưởng thôn, bản là đảng viên. Giữ vững và nâng cao chất lượng của tổ chức đảng ở 100% thôn, bản, tổ dân phố. Xây dựng 02 đề án về bố trí đội ngũ cán bộ chủ chốt thực hiện trong năm 2026 và sơ kết, tổng kết trong năm 2026.

(19) 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức các cấp đạt chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị và được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu, nhiệm vụ.

(20) Tỷ lệ thực hiện kết luận sau thanh tra, kiểm tra, giám sát đạt 98%; 100% kiến nghị của thanh tra, kiểm toán được thực hiện. Hoàn thành 100% các cuộc kiểm tra, giám sát đề ra. Giải quyết 100% đơn, thư tố cáo, khiếu nại về kỷ luật đảng thuộc thẩm quyền; kiểm soát tài sản, thu nhập đối với 100% đảng viên diện cấp ủy quản lý theo kế hoạch.

(21) 100% các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo”. 100% cán bộ, công chức chuyên trách làm công tác dân vận cấp tỉnh và 90% cán bộ dân vận cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ công tác dân vận.

(22) Giám sát, đôn đốc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định của UBND tỉnh bảo đảm ít nhất 90% chỉ tiêu, nhiệm vụ hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng; ban hành hoặc sửa đổi 100% văn bản phân cấp, phân quyền phù hợp thực tiễn; trên 90% kiến nghị, đề xuất phân cấp, phân quyền được xem xét, giải quyết trong thời hạn; chuẩn bị 10 đề án trọng điểm cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Thí điểm tại 02 cơ quan, địa phương các mô hình đổi mới phương thức lãnh đạo; thí điểm 3 mô hình kinh tế mới, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; thí điểm 2 mô hình chuyển dịch cơ cấu du lịch cộng đồng. Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù cấp tỉnh được Trung ương thông qua hoặc chấp thuận thí điểm.

II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung xây dựng, hoàn thành và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, nhằm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Chương trình hành động thực Nghị quyết Đại hội đề ra.

2. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

2.1. Về xây dựng Đảng

- Tổ chức quán triệt, học tập, tuyên truyền sâu, rộng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV; hoàn thiện và ban hành các nghị quyết chuyên đề, cụ thể hóa trước ngày 31/12/2025. Đẩy mạnh thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nhất là đối với chuyên đề năm 2026. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng cụ thể, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả, nâng cao chất lượng hoạt động thông tin đối ngoại đáp ứng yêu cầu; kịp thời cung cấp thông tin tuyên truyền, định hướng tốt dư luận xã hội tạo sự thống nhất, đồng thuận trong xã hội.

- Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị gắn với xây dựng đội ngũ theo vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tập trung hoàn thiện tổ chức bộ

máy chính trị theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền theo hướng minh bạch, thông suốt với mục tiêu phục vụ tốt nhất người dân, doanh nghiệp và xã hội. Tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở; thực hiện đánh giá cán bộ định kỳ theo quy định. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc; khuyến khích cán bộ đổi mới, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung. Thực hiện tốt bảo vệ chính trị nội bộ, đoàn kết nội bộ.

- Triển khai thực hiện nghiêm Quy định số 366-QĐ/TW của Trung ương và Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đánh giá cán bộ, đặc biệt là đánh giá theo quý; kịp thời thay thế cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, thực hiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp; nghiên cứu thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất, sắp xếp các Ban Quản lý dự án cấp tỉnh đảm bảo theo đúng định hướng của Trung ương; nghiên cứu thành lập Ban Quản lý khu kinh tế trên địa bàn tỉnh để bảo đảm phát huy hiệu quả kinh tế biên mậu; xem xét kỹ về thẩm quyền bồi thường, giải phóng mặt bằng của các cơ quan, đơn vị, địa phương bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo, theo đúng quy định.

- Xây dựng, thực hiện hiệu quả Chương trình kiểm tra, giám sát; tăng cường giám sát phòng ngừa; phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu. Chỉ đạo tăng cường giám sát, chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện và kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Chỉ đạo, giải quyết kịp thời tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng của tổ chức đảng, đảng viên thuộc thẩm quyền, nhất là giải quyết tố cáo liên quan đến công tác bầu cử. Xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận của các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nội dung công tác dân vận của chính quyền. Kịp thời nắm tình hình Nhân dân, tình hình dân tộc, tôn giáo; nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội, phát huy vai trò của Nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội.

- Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình công tác nội chính; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp. Giải quyết kịp thời, dứt điểm các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở; xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp, không để phát sinh “điểm nóng”. Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh. Quan tâm chỉ đạo việc thực hiện các kết luận sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Xử lý nghiêm trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên, tập thể, cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu để xảy ra sai phạm. Thực hiện nghiêm việc tiếp công dân, giải

quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân; nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, không để xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong Đảng bộ, hệ thống điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá nhiệm vụ theo thời gian thực; ứng dụng nền tảng số trong sinh hoạt, điều hành và báo cáo công tác Đảng theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.

2.2. Lãnh đạo hoạt động của chính quyền các cấp

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đối với hoạt động của hệ thống chính quyền ở địa phương; đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy đảng đối với tổ chức và hoạt động của chính quyền các cấp. Chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp kịp thời cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bằng các chương trình, dự án để triển khai thực hiện. Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp; tăng cường năng lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp, đề cao trách nhiệm người đứng đầu và kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân cấp, phân quyền rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền. Xây dựng nền hành chính phục vụ và kiến tạo phát triển, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, xây dựng chính quyền số; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, tăng cường giám sát, đánh giá kết quả đầu ra, gắn trách nhiệm của cơ quan và cá nhân trong giải quyết công việc.

- Đổi mới tư duy hoạt động của chính quyền cơ sở sang kiến tạo, phát triển, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, phát huy nội lực, không trông chờ, ỷ lại. Kiên quyết thay thế cán bộ sợ trách nhiệm, sợ sai, đùn đẩy trách nhiệm.

- Tập trung lãnh đạo công tác chuẩn bị và tổ chức thành công bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2026 - 2031; xây dựng phương án nhân sự các chức danh lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và lãnh đạo hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm phát huy dân chủ và sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng trong công tác cán bộ gắn với phương án nhân sự đại hội đảng bộ các cấp.

2.3. Lãnh đạo hoạt động MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc hướng mạnh về cơ sở; đổi mới phương thức hoạt động, đẩy mạnh giám sát, phản biện xã hội và góp ý xây dựng Đảng, chính quyền. Triển khai hiệu quả các cuộc vận động, phong trào lớn, tạo sự lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội. Tập trung vận động thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, xóa đói, giảm nghèo; lan tỏa các mô hình xóa đói, giảm nghèo, các mô hình, dự án làm giàu; vận động giải quyết các điểm nghẽn về bồi thường, giải phóng mặt bằng.

3. Về phát triển kinh tế

- Tiếp tục triển khai, cụ thể hóa và đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng lợi thế, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tiếp tục cơ cấu lại kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng bảo đảm tốc độ tăng trưởng kinh tế trên 10,5%; tập trung triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tổ chức, triển khai hoàn thành các đồ án quy hoạch chung của các xã, phường và các quy hoạch khác theo quy định.

- Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với nông nghiệp thông minh, phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, liên kết chuỗi giá trị và ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh các hoạt động thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nhất là chăn nuôi, trồng trọt. Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; đẩy mạnh phát triển cây Mắc ca, cà phê theo quy hoạch gắn với chế biến sâu, bao tiêu sản phẩm, xây dựng thương hiệu; đẩy mạnh chương trình OCOP gắn với chuyển đổi số, thương mại điện tử và ứng dụng công nghệ cao. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn. Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng Đề án khai thác Khu dự trữ thiên nhiên Mường Nhé.

- Thu hút nhà đầu tư nghiên cứu, khảo sát và phát triển các dự án công nghiệp, nhất là năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến nông - lâm sản, chăn nuôi, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng và hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp; triển khai thực hiện các thủ tục để sớm thành lập cụm, khu công nghiệp. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ phát triển hạ tầng kỹ thuật gắn với quá trình đô thị hóa; kế hoạch chống độc quyền về cung ứng vật liệu xây dựng; kiểm tra, giám sát tiến độ và bảo đảm an toàn đập, hồ chứa tại các dự án thủy điện.

- Tăng cường quảng bá (tiềm năng, thế mạnh, nhất là các điểm du lịch, hệ sinh thái du lịch,...) trên mọi nền tảng công nghệ số, AI, bằng các thứ tiếng khác nhau; xúc tiến đầu tư dịch vụ, du lịch. Tập trung thực hiện Nghị quyết về phát triển du lịch Điện Biên; đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch, nhất là các dự án nhà đầu tư quan tâm về nghỉ dưỡng, thể thao,... gắn với du lịch lịch sử; ứng dụng chuyển đổi số, hoàn thiện hệ thống du lịch thông minh, tăng cường quảng bá trên các nền tảng mạng; tập trung phát triển các bản du lịch cộng đồng, kết nối, tổ chức các sự kiện kích cầu du lịch, bảo đảm các chuyến bay được tiếp tục duy trì; thúc đẩy liên kết hợp tác phát triển du lịch trong nước và quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, thương hiệu các sản phẩm du lịch Điện Biên; phát triển kết nối các cung đường du lịch với Trung Quốc, Thái Lan và Lào bằng sản phẩm cụ thể.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo chất lượng, hiệu quả; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 ngay từ đầu năm, nhất là các chương trình, dự án, công trình quan trọng, trọng tâm của tỉnh, bảo

đảm tỷ lệ giải ngân đạt 100% so với kế hoạch giao; tập trung giải quyết dứt điểm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo mặt bằng sạch triển khai các dự án trọng điểm.

- Tăng cường quản lý thu ngân sách trên địa bàn, bảo đảm thu đúng, thu đủ, chi hiệu quả; bảo đảm nguồn lực cho an sinh xã hội, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; tiết kiệm chi hành chính, chống lãng phí, tăng chi đầu tư phát triển; quản lý hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh từ kinh tế số và giao dịch điện tử xuyên biên giới. Tiếp tục thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng để thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

- Huy động tối đa nguồn lực đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông chiến lược kết nối trong tỉnh và với các tỉnh trong khu vực: Dự án cao tốc Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang; Dự án nâng cấp đường từ Quốc lộ 12 đến cửa khẩu A Pa Chải;... Rà soát, tháo gỡ các dự án ngoài ngân sách chậm tiến độ, phòng, chống lãng phí; thực hiện thu hồi các dự án ngoài ngân sách không đạt tiến độ. Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án trọng điểm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng của tỉnh.

- Tiếp tục tạo quỹ đất sạch để bảo đảm tái định cư thuận lợi; quỹ đất sạch để thu hút đầu tư ngoài ngân sách và đấu giá phục vụ các mục tiêu ngân sách và đầu tư hạ tầng.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2030; thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số mạnh mẽ, nhất là ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong lĩnh vực nông nghiệp, du lịch thông minh, trung tâm dữ liệu về nông nghiệp.

4. Về văn hóa - xã hội

- Tập trung thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển giáo dục năm 2026; hoàn thành đầu tư xây dựng 10 trường học liên cấp cho các xã biên giới trên địa bàn tỉnh, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai các trường còn lại và thực hiện đầy đủ chính sách nội trú, bán trú theo quy định. Phát huy hiệu quả Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Điện Biên, hỗ trợ nhà đầu tư thành lập Tổ hợp Giáo dục FPT nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu địa phương. Rà soát, bố trí theo thứ tự ưu tiên nguồn lực triển khai kiên cố hoá phòng học và phòng ở nội trú trong các cơ sở giáo dục.

- Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức

khỏe Nhân dân và kế hoạch của Tỉnh ủy. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh gắn với tăng cường năng lực phòng, chống dịch. Phát triển bảo hiểm y tế toàn dân, người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần, được lập sổ sức khỏe điện tử để quản lý sức khỏe theo vòng đời, từng bước giảm gánh nặng chi phí y tế; thực hiện chuyển giao quản lý các trạm y tế về xã theo kế hoạch.

- Tiếp tục triển khai các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển văn hóa, con người toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; thực hiện giảm tỷ lệ tảo hôn. Triển khai thực hiện phát triển nguồn nhân lực tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030; đẩy mạnh phối hợp với doanh nghiệp tham gia tổ chức đào tạo nghề theo nhu cầu của thị trường lao động, nhất là những ngành nghề có lợi thế của tỉnh.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2026-2023; tập trung huy động các nguồn lực cho công tác giảm nghèo. Giải quyết kịp thời các chế độ ưu đãi đối với người có công, gia đình chính sách theo quy định. Chú trọng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người lao động; quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ phát triển đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào vùng đặc biệt khó khăn. Triển khai thực hiện các dự án nhà ở xã hội; có chính sách hỗ trợ về nhà ở phù hợp cho các đối tượng theo quy định. Thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong công tác dân tộc, tôn giáo. Tăng cường công tác quản lý nhà nước và hướng dẫn tổ chức tôn giáo và các điểm nhóm sinh hoạt, hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật.

5. Bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên. Rà soát, cập nhật bản đồ nguy cơ rủi ro, xây dựng phương án ứng phó theo từng loại hình thiên tai. Chủ động sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của lũ quét, sạt lở,...; ưu tiên đầu tư hạ tầng thiết yếu cho các khu tái định cư mới, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của Nhân dân và phát triển bền vững lâu dài. Tổ chức tốt công tác phòng ngừa, ứng phó, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả thiên tai.

Rà soát các tuyến đường liên xã, nội xã cần thiết ưu tiên đầu tư. Tập trung đầu tư cho các bản chưa có điện lưới.

6. Phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo

Thành lập Trung tâm Ứng dụng khoa học, đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số; có cơ chế thu hút doanh nghiệp khởi nghiệp; xây dựng dữ liệu về AI về môi trường, nông nghiệp, lâm nghiệp; hoàn thành chỉ tiêu do Ban Chỉ đạo 57 của tỉnh đề ra.

Tiếp tục phát triển hạ tầng viễn thông; đẩy mạnh phổ cập dịch vụ viễn thông, Internet đến người dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin gắn với cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi.

7. Phát triển kinh tế tư nhân và cải cách hành chính

- Thực hiện hiện quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế tư nhân. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; tiếp tục tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nghiên cứu, đề xuất, triển khai các hoạt động hợp tác, đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tăng cường vận động, thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn ODA trên địa bàn. Tập trung phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã; cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm thời gian; rà soát ban hành quy chế nội bộ các cơ quan thuộc UBND tỉnh và HĐND; có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp nhỏ phát triển.

- Tập trung rà soát các quy chế, quy trình của từng cơ quan, đơn vị, giữa các cơ quan, đơn vị; ban hành quy chế nội bộ mới theo hướng một việc chỉ giao cho một đầu mối, cắt giảm thời gian và thành phần phối hợp; phát huy đầy đủ thẩm quyền riêng của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định pháp luật; hoàn thành trước ngày 31/01/2026.

8. Quốc phòng - an ninh và đối ngoại

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng - an ninh; tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, chủ quyền biên giới quốc gia, trật tự an toàn xã hội; kết hợp chặt chẽ giữa củng cố quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. Quan tâm xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; thực hiện tốt công tác tuyển quân, huấn luyện, luyện tập, diễn tập khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự các cấp, khu vực, trọng tâm là diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2026.

- Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, nhất là an ninh mạng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia; chủ động đấu tranh, phản bác thông tin sai lệch. Triển khai thực hiện xây dựng xã, phường không ma túy trên địa bàn tỉnh. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn hoạt động tuyên truyền lập "Nhà nước riêng" và các hoạt động tuyên truyền đạo trái pháp luật và các hành vi vi phạm; tập trung phòng, chống tội phạm nhất là tội phạm ma túy, tội phạm về trật tự xã hội, tội phạm công nghệ cao.

- Tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện với các tỉnh Bắc Lào; nâng cao quan hệ hợp tác với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); tích cực triển khai các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực; tăng cường hoạt động ngoại giao văn hóa, đối ngoại nhân dân; thúc đẩy hợp tác với một địa phương của Thái Lan, Hàn Quốc,... các đại sứ quán, các doanh nghiệp FDI.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Nghị quyết này, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng, xây dựng kế hoạch cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết phù hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương; trong đó các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương đề ra phải có tính phấn đấu cao, bằng hoặc cao hơn so với mục tiêu, chỉ tiêu giao theo Nghị quyết của Tỉnh ủy.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao; định kỳ hằng tháng và hằng quý kiểm đếm, báo cáo tiến độ triển khai các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định và gửi báo cáo Thường trực Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy tổng hợp) trước ngày 25 hằng tháng.

2. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế bảo đảm khả thi, thiết thực, hiệu quả, cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu, nhiệm vụ và kết quả lượng hóa được để tổ chức đánh giá trách nhiệm của tổ chức, cá nhân theo Quý; chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong quá trình chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại năm 2026 bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả. Định kỳ báo cáo hằng tháng, quý, năm gửi Thường trực Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy tổng hợp) trước ngày 25 hằng tháng hoặc theo quy định.

3. Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh lãnh đạo HĐND tỉnh tăng cường giám sát, cụ thể hóa, ban hành kịp thời các chính sách để bảo đảm thực hiện.

4. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao. Định kỳ báo cáo hằng tháng, quý, năm gửi Thường trực Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy tổng hợp) trước ngày 25 hằng tháng hoặc theo quy định.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy định hướng, hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị, địa phương phổ biến, quán triệt trong tổ chức đảng, đảng viên và tuyên truyền rộng rãi trong Nhân dân về nội dung Nghị quyết.

6. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với Đảng ủy UBND tỉnh, các cơ quan liên quan tham mưu, cụ thể hóa các tiêu chí để đánh giá các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan trong tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, bắt đầu đánh giá từ Quý I/2026.

7. Giao Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, các ban Đảng tỉnh theo dõi, đôn đốc, tham mưu kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết và đánh giá định kỳ theo quý; định kỳ báo cáo kết quả với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các ban Đảng Trung ương,
- Đảng ủy Quân khu 2,
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- HĐND, UBND tỉnh,
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy,
- Ủy ban MTTQ VN và các đoàn thể tỉnh,
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh,
- Các ban, sở, ngành tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

} (đề b/c)

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Trần Tiến Dũng

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 05/12/2025 của Tỉnh ủy Điện Biên)

| TT | Một số chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị | Kế hoạch năm | Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chỉ đạo | Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì/thực hiện | Cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp | |
|-----|---|------------------|--------------|--|---|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | |
| 1 | Tốc độ tăng trưởng kinh tế | % | 10,5 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Tài chính | Các sở, ngành, địa phương, Thống kê tỉnh | |
| | GRDP bình quân đầu người | triệu đồng/người | 60 | | Sở Tài chính | | |
| | <i>Cơ cấu kinh tế</i> | | | | | | |
| | Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản | % | 13,80 | | Sở Nông nghiệp và môi trường | Các sở, ngành, địa phương, Thống kê tỉnh | |
| | Ngành công nghiệp - xây dựng | % | 23,42 | | Sở Xây dựng, Sở Công Thương | | |
| | Ngành dịch vụ | % | 58,77 | | Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch | | |
| | Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | % | 4,01 | | Sở Tài chính, Thuế tỉnh | | |
| | Tỷ trọng kinh tế số | % | 17 | | Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 2 | Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt | triệu đồng | 2.310 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Tài chính | Các sở, ngành, địa phương | |
| | Tổng vốn đầu tư toàn xã hội | triệu đồng | 25.000 | | Sở Tài chính | | |
| | Tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số | % | 3 | | Sở Tài chính | | |
| | Thực hiện mô hình chuyển đổi số hoặc cải cách hành chính báo cáo trung ương | mô hình | 5 | Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh; Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Tỉnh ủy | | |
| 3 | Phát triển tổng diện tích trồng cây Mắc ca | ha | 14.860 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các sở, ngành, địa phương | |
| | Phát triển tổng diện tích trồng cây Cà phê | ha | 13.133 | | | | |
| 4 | Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) | % | 18,52 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Công Thương | Các sở, ngành, địa phương | |
| | Tốc độ tăng trưởng tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ và hoạt động thương mại biên giới | % | 12 | | Sở Công Thương; Chi cục Hải quan khu vực VII; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | | |
| | Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ và trao đổi cư dân biên giới | triệu USD | 105 | | Sở Công Thương; Chi cục Hải quan khu vực VII; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | | |
| 5 | Khách du lịch | triệu lượt | 1,60 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ngành, địa phương | |
| | <i>Trong đó, khách quốc tế</i> | ngàn lượt | 15 | | | | |
| | Tổng doanh thu từ hoạt động du lịch | Tỷ đồng | 2.880 | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài chính | | |
| 6 | Dân số trung bình | người | 677.628 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Y tế | Các sở, ngành, địa phương | |
| | Tốc độ tăng dân số | % | 1,53 | | | | |
| | Tuổi thọ trung bình | tuổi | 70,50 | | | | |
| | Chỉ số phát triển con người (HDI) | | 0,66 | | | | |

| TT | Một số chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị | Kế hoạch năm | Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chỉ đạo | Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì/ thực hiện | Cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp | |
|----|---|---------------------|--------------|---------------------------------------|--|--------------------------------------|---|
| 7 | Đào tạo nghề | lao động | 8.500 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Các sở, ngành, địa phương | |
| | Tạo việc làm mới | lao động | 8.800-9.000 | | | | |
| | Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với lực lượng lao động | % | 66 | | | | |
| | Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ | % | 18,90 | | | | |
| | Tỷ trọng lao động Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản | % | 70,1 | | | | Sở Nội vụ; Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| | Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị | % | 2,5 | | | | Sở Nội vụ |
| | Thành lập mới doanh nghiệp | DN | 250 | | | | Sở Tài chính |
| | Thành lập mới hợp tác xã | HTX | 90 | | | | |
| 8 | Tỷ lệ giảm hộ nghèo | % | 3 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Nông nghiệp và môi trường | Các sở, ngành, địa phương | |
| | Thu nhập bình quân đầu người | triệu đồng/tháng | 2,86 | | | | |
| | Xã đạt chuẩn nông thôn mới và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới | xã | 5 | | | | |
| | Sản phẩm OCOP được công nhận mới | sản phẩm | 70 | | | | |
| 9 | Xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế | % | 66,67 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Y tế | Các sở, ngành, địa phương | |
| | Tỷ lệ bác sĩ/vạn dân | bác sĩ/vạn dân | 13,20 | | | | |
| | Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân | giường bệnh/vạn dân | 33,20 | | | | |
| | Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng | % | 14,38 | | | | |
| | Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao | % | 23,76 | | | | |
| | Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ các loại vaccine trong Chương trình tiêm chủng mở rộng | % | 95 | | | | |
| | Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử | % | 65 | | | | |
| | Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế | % | 98 | | Bảo hiểm xã hội tỉnh | | |
| 10 | Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia | % | 83,50 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | |
| | Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt kiểm định chất lượng giáo dục | % | 83,80 | | | | |
| | Tỷ lệ phòng học được kiên cố hoá | % | 82,32 | | | | |
| | Tỷ lệ phòng nội trú/bán trú được kiên cố hóa | % | 69,71 | | | | |
| 11 | Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa" | % | 77 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ngành, địa phương | |
| | Thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu "Thôn, bản, tổ dân phố văn hóa" | % | 67 | | | | |
| | Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa | % | 95 | | | | |
| | Xã, phường có nhà văn hóa | % | 100 | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường | Các sở, ngành, địa phương | |
| | Thôn, bản, tổ dân phố có nhà văn hóa, nơi sinh hoạt cộng đồng | % | 65,28 | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường | | |
| | Số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên | % | 36,2 | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | |

T.12

| TT | Một số chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị | Kế hoạch năm | Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chỉ đạo | Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì/Thực hiện | Cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp |
|----|--|---------|--------------|---------------------------------------|---|--------------------------------------|
| 12 | Tập trung hoàn thiện các thủ tục để đầu tư, nâng cấp hệ thống đường tỉnh được nhựa hóa hoặc bê tông hóa | % | 100 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Xây dựng | Các sở, ngành, địa phương |
| | Khu vực có dân cư sinh sống, làm việc được phủ sóng thông tin di động mạng 4G/5G | % | 99 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | |
| | Khu vực có dân cư sinh sống, làm việc được cung cấp dịch vụ băng rộng cố định (Internet cáp quang) | % | 90 | | | |
| | Tỷ lệ xã có chợ đạt chuẩn | % | 66,67 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Công Thương | |
| | Tỷ lệ hộ được sử dụng điện | % | 97 | | | |
| 13 | Tỷ lệ người dân đô thị được sử dụng nước sạch bảo đảm theo tiêu chuẩn | % | 99,9 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các sở, ngành, địa phương |
| | Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh | % | 94,28 | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | |
| | Dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn | % | 20 | | | |
| | Tỷ lệ che phủ rừng | % | 46 | | | |
| | Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị | % | 96,5 | | | |
| | Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom | % | 46-50 | | | |
| | Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý | % | 100 | | | |
| | Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý | % | 100 | | Sở Y tế; Sở Nông nghiệp và Môi trường | |
| 14 | Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh | | | Đảng ủy Quân sự tỉnh | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Các sở, ngành, địa phương |
| | Hoàn thành diễn tập cấp xã, phường | % | 12 | | | |
| | Hoàn thành diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2026 | % | 1 | | | |
| | Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân năm | % | 100 | | | |
| 15 | Không để xảy ra bạo loạn, khủng bố, vụ việc phức tạp về an ninh trật tự; không để tụ tập đông người trái pháp luật | vụ việc | 0 | Đảng ủy Công an tỉnh | Công an tỉnh | Các sở, ngành, địa phương |
| | Vụ việc phát sinh được xử lý, giải quyết kịp thời, không để xảy ra điểm nóng, lộ lọt thông tin | % | 100 | | | |
| | Kiểm chế, kéo giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội | % | 5 | | | |
| | Tiếp nhận, thụ lý tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố | % | 100 | | | |
| | Giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố | % | 90 | | | |
| | Tỷ lệ điều tra, khám phá án trên tổng số án khởi tố | % | 75 | | | |
| | Tỷ lệ điều tra, khám phá án rất nghiêm trọng trên tổng số án khởi tố | % | 90 | | | |
| | Giảm tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí | % | 5 | | | |

| TT | Một số chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị | Kế hoạch năm | Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chỉ đạo | Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì/Thực hiện | Cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp |
|---|--|------------|--|---------------------------------------|--|---|
| 16 | Tăng cường kết nối, ký kết thỏa thuận, thiết lập quan hệ, thúc đẩy hợp tác với một địa phương của các nước | địa phương | 1-2 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Ngoại vụ | Các sở, ngành, địa phương |
| 17 | <i>Cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, quần chúng Nhân dân tham gia nghiên cứu, học tập có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng</i> | | | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy | Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc | Các ban, sở, ngành, địa phương; Báo và phát, thanh truyền hình tỉnh |
| | Cấp ủy, tổ chức đảng | % | 100 | | | |
| | Cán bộ, đảng viên | % | 96 | | | |
| | Quần chúng nhân dân | % | 80 | | | |
| | Cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương | % | 95 | | | |
| Phát động, tổ chức phong trào thi đua học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong Đảng bộ | % | 1 | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Báo và phát, thanh truyền hình tỉnh | | | |
| 18 | Tổ chức đảng, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | % | 90 | Ban Tổ chức Tỉnh ủy | Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các ban, sở, ngành, địa phương | Các sở, ngành, địa phương |
| | Kết nạp đảng viên mới trên tổng số đảng viên | % | 4 | | Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các ban, sở, ngành, địa phương | |
| | Trưởng thôn, bản là đảng viên | % | 75 | | Ban Tổ chức Tỉnh ủy; đảng ủy các xã, phường | |
| | Giữ vững và nâng cao chất lượng của tổ chức đảng ở thôn, bản, tổ dân phố | % | 100 | | Ban Tổ chức Tỉnh ủy; đảng ủy các xã, phường | |
| | Xây dựng đề án về bố trí đội ngũ cán bộ chủ chốt thực hiện trong năm 2026 và sơ kết, tổng kết trong năm 2026 | Đề án | 2 | | Ban Tổ chức Tỉnh ủy; đảng ủy các xã, phường | |
| 19 | Cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức các cấp đạt chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị và được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng theo quy định | % | 100 | Ban Tổ chức Tỉnh ủy | Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Trường Chính trị tỉnh | Các sở, ngành, địa phương |
| 20 | Hoàn thành các cuộc kiểm tra, giám sát đề ra | % | 100 | UBKT Tỉnh ủy | Cơ quan UBKT Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc | Các sở, ngành, địa phương |
| | Tỷ lệ thực hiện kết luận sau thanh tra, kiểm tra, giám sát | % | 98 | | Cơ quan UBKT Tỉnh ủy; Thanh tra tỉnh; Sở Tài chính; các đảng ủy trực thuộc, các cơ quan liên quan | |
| | Kiến nghị của thanh tra, kiểm toán được thực hiện | % | 100 | | | |
| | Giải quyết đơn, thư tố cáo, khiếu nại về kỷ luật đảng thuộc thẩm quyền | % | 100 | | Cơ quan UBKT Tỉnh ủy; Ban Nội chính Tỉnh ủy; Thanh tra tỉnh; các đảng ủy trực thuộc, các cơ quan liên quan | |
| | Kiểm soát tài sản, thu nhập đối với đảng viên diện cấp ủy quản lý | % | 100 | | Cơ quan UBKT Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc, các cơ quan liên quan | |

| TT | Một số chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị | Kế hoạch năm | Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chỉ đạo | Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì/ thực hiện | Cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp | |
|--|---|--------------------|-------------------|--|---|--|---|
| 21 | Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Dân vận khéo" | % | 100 | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; các ban, sở, ngành, địa phương | Các sở, ngành, địa phương; Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh | |
| | Cán bộ, công chức chuyên trách làm công tác dân vận cấp tỉnh được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ công tác dân vận | % | 100 | | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy | | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; các ban, sở, ngành, địa phương |
| | Cán bộ dân vận cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ công tác dân vận | % | 90 | | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; các ban, sở, ngành, địa phương | | |
| 22 | Giám sát, đôn đốc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định của UBND tỉnh bảo đảm chỉ tiêu, nhiệm vụ hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng | % | 90 | Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh; Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy HĐND tỉnh | Các Ban HDND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính | Các sở, ngành, địa phương | |
| | Ban hành hoặc sửa đổi các văn bản phân cấp, phân quyền phù hợp thực tiễn | % | 100 | | | | |
| | Kiến nghị, đề xuất phân cấp, phân quyền được xem xét, giải quyết trong thời hạn | % | 90 | | | | |
| | Chuẩn bị đề án trọng điểm cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy | đề án | 10 | Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh (02); Đảng ủy UBND tỉnh (04); Đảng ủy Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh (01); các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (03) | Các ban, sở, ngành, địa phương | | |
| | Thí điểm cơ quan, địa phương các mô hình đổi mới phương thức lãnh đạo | cơ quan/địa phương | 2 | Ban Tổ chức Tỉnh ủy | Ban Tổ chức Tỉnh ủy | | |
| | Thí điểm 3 mô hình kinh tế mới, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn | mô hình | 3 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường | | |
| | Thí điểm 2 mô hình chuyển dịch cơ cấu du lịch cộng đồng | mô hình | 2 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | |
| Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù cấp tỉnh được Trung ương thông qua hoặc chấp thuận thí điểm | cơ chế/chính sách | 1 | Đảng ủy UBND tỉnh | Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp | | | |

